

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/3/2022

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh; Ông Phạm Công Định.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 38/2021/HNGĐ-ST ngày 09/3/2021 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 2 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/3/2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Trần Văn Ch**, sinh năm 1984. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị **Vũ Thị L**, sinh năm 1985. Vắng mặt.

Nguyên quán: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

HKTT trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương. Hiện đang lao động tại : Đài Loan (Trung Quốc)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Ông Vũ Văn Nh - Sinh năm 1960. Vắng mặt.

- Bà Vũ Thị L – Sinh năm 1962. Có mặt.

Đều ở địa chỉ: Xóm 5, thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn anh Trần Văn Ch trình bày: Anh và chị Vũ Thị L kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 27/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh Ch. Sau một thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do sự khác biệt về cách sống, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau nên thường xảy ra cãi nhau. Tháng 5/2017 chị L và con về quê ngoại sinh sống và vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm tới ai. Cuối năm 2017 chị L đi nước ngoài lao động cho đến nay. Anh Ch xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Bảo Ngọc A, sinh ngày 01/6/2015, hiện đang ở với ông ngoại là Vũ Văn Nh. Anh Ch đề nghị đề cho chị L tiếp tục nuôi con và anh có trách nhiệm cấp dưỡng cho con với số tiền 500.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của ông Vũ Văn Nh và bà Vũ Thị L thể hiện: Chị L hiện đang sinh sống tại Đài Loan (Trung Quốc), gia đình không biết địa chỉ cụ thể ở nước ngoài. Nguyên nhân mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa anh Chung và chị L là do anh Ch thường mải chơi, không tu chí làm ăn, vợ chồng sống ly thân từ lâu và đầu năm 2018 chị L đã đi nước ngoài lao động. Nay anh Ch có đơn đề nghị giải quyết ly hôn, gia đình đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp chị Lan được nuôi con thì ông bà nhất trí hỗ trợ chị Lan nuôi con. Ngoài ra ông Nh, bà L đề nghị anh Ch, chị L phải trả ông bà số tiền 15.000.000đ tiền vay để làm ăn, cho đến nay chưa trả, trong đó anh Chung phải trả 7.500.000đ, ông bà không yêu cầu chị L phải trả tiền. Ông Nh, bà L nuôi con của anh Ch, chị L từ năm 2018 cho đến nay, do vậy đề nghị anh Ch phải trả cho ông, bà ½ tiền cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật từ tháng 1/2018 cho đến khi khởi kiện ly hôn tháng 1/2021.

Gia đình ông Nh, bà L cũng thường xuyên liên lạc với chị L qua điện thoại và đã thông báo việc anh Ch khởi kiện ly hôn. Chị L có quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn nhưng với điều kiện anh Ch phải ½ số tiền vay ông Nh, bà L là  $15.000.000đ/2=7.500.000đ$ , vợ chồng có 1 chiếc xe máy đã mua trả góp với số tiền là 21.000.000đ, sau đó anh Ch đã bán xe và chi tiêu cá nhân nên chị đề nghị anh Chung phải trả cho chị ½ giá trị xe. Về con chung, chị L đề nghị được nuôi con và ủy quyền cho ông N tạm nuôi cháu trong thời gian chị ở nước ngoài, chị yêu cầu anh Ch phải cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L gửi đơn tố cáo anh Ch có quan hệ ngoài vợ chồng với người khác, vi phạm Điều 182 Bộ luật hình sự. Đề nghị Tòa án không giải quyết ly hôn giữa anh Ch và chị L.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi anh Ch, chị L đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh Ch, chị L có xảy ra mâu thuẫn cụ thể thể nào địa phương không nắm rõ, chỉ biết vợ chồng anh Ch, chị L sinh

sống không hạnh phúc, chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và sống ly thân với anh Ch từ lâu, sau đó chị L đi nước ngoài cho đến nay. Nay anh Ch có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn Ch giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn chị Vũ Thị L. Nhất trí để chị L nuôi dưỡng con chung và nhất trí quan điểm của chị L tạm giao cho ông Nh, bà L nuôi cháu. Anh Ch có trách nhiệm cấp dưỡng cho con với số tiền 1.000.000đ/tháng. Đối với yêu cầu của ông Nh, bà L đòi tiền cấp dưỡng nuôi con anh Ch, chị L từ tháng 1/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm, anh Chung nhất trí trả với số tiền 1.000.000đ/tháng (từ tháng 1/2018 đến hết tháng 3/2022). Anh Ch không nhất trí quan điểm của ông Nh, bà L đòi số tiền vay nợ  $15.000.000\text{đ}/2=7.500.000\text{đ}$  vì anh không vay, không nhận, không biết số tiền này. Đối với chiếc xe máy anh Ch thừa nhận đã bán được 12.000.000đ sau này chị L về nước anh sẽ trả cho chị L 6.000.000đ.

Bà Vũ Thị L khai: Hiện chị L đang lao động ở Đài Loan (Trung Quốc). Gia đình bà nhất trí quan điểm của anh Ch trả ông bà tiền nuôi cháu Trần Bảo Ngọc A từ tháng 1/2018 đến hết tháng 3/2022 với số tiền là 1.000.000đ/tháng. Yêu cầu anh Chung phải trả nợ ông bà số tiền vợ chồng anh Ch vay là  $15.000.000\text{đ}/2=7.500.000\text{đ}$ .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, nguyên đơn, chấp hành đúng các quy định tại Điều 71, 72 BLTTDS. Bị đơn giấu địa chỉ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận xử cho anh Trần Văn Ch được ly hôn chị Vũ Thị L; Về con chung: Giao con chung là Trần Bảo Ngọc A sinh ngày 01/6/2015 cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, buộc anh Ch phải cấp dưỡng cho con số tiền là 1000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Buộc anh Ch phải trả ông Nh, bà L số tiền nuôi con là  $1.000.000\text{đ}/\text{tháng} \times 50 \text{ tháng} = 50.000.000\text{đ}$ . Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; Về án phí: Anh Ch phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Trần Văn Ch sinh sống ở Việt Nam, bị đơn chị Vũ Thị L có địa chỉ trước khi xuất cảnh ở Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương, hiện đang lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Ch và gia đình ông Nh, bà L không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị L ở nước ngoài. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, gia đình

ông Nhãn, bà Lá vẫn thường xuyên liên lạc với chị L nên Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho gia đình để thông báo cho chị Lan biết việc anh Ch đề nghị giải quyết ly hôn và các thủ tục tố tụng khác. Gia đình đã nhận các văn bản tố tụng và đã thông báo cho chị L biết. Trong quá trình giải quyết vụ án, xét thấy con chung của anh Ch, chị L hiện đang do ông N, bà L nuôi dưỡng, mặt khác anh Ch, chị L đều nhất trí để ông bà ngoại nuôi cháu. Ông Nh, bà L đề nghị anh Ch phải trả cho ông, bà tiền nuôi cháu Trần Bảo Ngọc A từ tháng 1/2018 đến hết tháng 3/2021, do vậy TAND tỉnh Hải Dương đưa ông Nhãn, bà Lá tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Ch có mời ông Nguyễn Thanh H – Luật sư văn phòng luật sư B – Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, tuy nhiên đến phiên tòa anh Chung không đề nghị ông Nguyễn Thanh H tham gia tố tụng mà tự anh Ch bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, chị L, ông Nh, bà L vắng mặt nhiều lần. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn Ch và chị Vũ Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương năm 2014, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau một vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có sự hòa hợp trong cuộc sống, không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau dẫn đến cãi nhau. Đến tháng 5/2017 chị L về quê sinh sống và vợ chồng sống ly thân, sau đó chị L đi nước ngoài và vợ chồng cũng không quan tâm, liên lạc với nhau cho đến nay. Thông qua gia đình, chị L thông tin và xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng không nhất trí ly hôn, chị chỉ nhất trí ly hôn khi anh Ch trả tiền cho ông Nh, bà L và trả cho chị ½ giá trị chiếc xe máy. HĐXX xét thấy chị L có đơn tố cáo anh Ch vi phạm chế độ hôn nhân một vợ, một chồng hơn nữa chị L không nhất trí ly hôn là do chưa giải quyết ngay được về tài sản và nợ chung chứ không phải chị L còn tình cảm vợ chồng với anh Ch. Như vậy, có thể xác định tình cảm vợ chồng giữa anh Ch và chị L không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh qua lời khai của các đương sự, đại diện gia đình và chính quyền địa phương nơi các đương sự sinh sống. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Ch ly hôn chị L là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Trong vụ án này, chị L có đơn tố cáo anh Ch vi phạm chế độ hôn nhân một vợ, một chồng, theo quy định tại Điều 182 của Bộ luật hình sự. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã chuyển đơn tố cáo của chị Lan đến Công an huyện Thanh Miện để giải quyết theo thẩm quyền.

[2.3] Về quan hệ nuôi con: Anh Trần Văn Ch và chị Vũ Thị L có một con chung là Trần Bảo Ngọc A, sinh ngày 01/6/2015. Hiện đang ở với ông Vũ Văn

Nhân và bà Vũ Thị L. Chị L có nguyện vọng nuôi con, anh Ch nhất trí và đồng ý để ông Nh, bà L tạm nuôi cháu trong thời gian chị L ở nước ngoài. HĐXX xét thấy hiện con chung còn nhỏ và sinh sống với gia đình ông Nh, bà L từ lâu, được ông bà chăm sóc và cho ăn học đầy đủ. Để đảm bảo quyền lợi chính đáng của con chung trong việc học tập và sinh sống, HĐXX chấp nhận giao con chung cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm giao cho ông Nh, bà L nuôi cháu trong thời gian chị L ở nước ngoài.

[2.4] Về cấp dưỡng cho con: Chị L đề nghị anh Ch phải cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy, người không trực tiếp nuôi con phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho con, anh Ch hiện đang lao động tự do, có sức lao động, do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị L, buộc anh Ch phải cấp dưỡng cho con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2022 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), như vậy là phù hợp.

[2.4] Xét yêu cầu của ông Vũ Văn Nh, bà Vũ Thị L buộc anh Ch phải có trách nhiệm trả cho ông bà tiền nuôi cháu Trần Bảo Ngọc A từ tháng 1/2018 đến hết tháng 3/2022. HĐXX xét thấy thời điểm trên chị L đi nước ngoài lao động đã gửi con cho ông Nh, bà L nuôi dưỡng, trong thời gian trên anh Ch cũng thừa nhận chưa cấp dưỡng cho con. Theo biên bản xác minh tại địa phương thì chi phí để nuôi trẻ sinh sống và ăn học trên địa bàn xã đối với trẻ mầm non khoảng 3.000.000đ/1 tháng. Tại phiên tòa anh Ch đề nghị trả tiền nuôi con cho ông Nh, bà L là 1.000.000đ/tháng, bà L nhất trí. Do vậy, cần buộc anh Ch phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Nh, bà L số tiền là 1.000.000đ x 50 tháng = 50.000.000đ. Ông Nh không yêu cầu chị L phải trả tiền cấp dưỡng cho con nên HĐXX không xem xét. Việc giải quyết về nuôi con, cấp dưỡng cho con như trên là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Ch không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Thông qua gia đình ông Nh, bà L, chị L có yêu cầu buộc anh Ch phải trả cho chị ½ giá trị chiếc xe máy mua trả góp là 21.000.000đ, anh Ch phải trả ông Nh, bà L ½ số tiền nợ 15.000.000đ = 7.500.000đ. Ông Nh, bà L yêu cầu anh Ch trả ông ½ số nợ trên. Tòa án đã yêu cầu chị L, gia đình ông Nh cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh tài sản và số nợ trên, tuy nhiên các đương sự không cung cấp được. Chị L cũng không có tài liệu ủy quyền cho ai giải quyết về tài sản, hơn nữa anh Ch không thừa nhận tiền nợ ông Nh, chỉ thừa nhận chiếc xe máy đã bán được 12.000.000đ anh đã chi tiêu hết và sẽ trả chị Lan 6.000.000đ. Để làm rõ việc anh Ch, chị Lan có tài sản và nợ như trên hay không thì phải tiến hành đối chất làm rõ nợ chung, tài sản chung của vợ chồng, định giá tài sản (nếu có) và các thủ tục khác. Do chị L ở nước ngoài nên không thể thực hiện được các trình tự, thủ tục giải quyết về tài sản chung như trình bày ở trên, mặt khác chị L cũng không có đơn, không ủy quyền cho ai đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản, nên trong vụ án này HĐXX không xem xét giải quyết yêu cầu của chị L, ông Nh, bà L về số tài sản chung, nợ chung của vợ chồng anh Ch, chị L. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn (nếu có) theo quy định của pháp luật và

được giải quyết trong vụ án khác. Như vậy vẫn đảm bảo được quyền và nghĩa vụ hợp pháp của các đương sự.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn anh Trần Văn Ch phải chịu án phí dân sự (về Hôn nhân gia đình) sơ thẩm và tiền án phí về cấp dưỡng, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh **Trần Văn Ch** ly hôn chị **Vũ Thị L**

2. Về quan hệ nuôi con: Giao cho chị Vũ Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Trần Bảo Ngọc A, sinh ngày 01/6/2015. Buộc anh Trần Văn Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con với số tiền là 1.000.000đ/tháng (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2022 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Tạm giao con chung Trần Bảo Ngọc A, sinh ngày 01/6/2015 cho ông Vũ Văn Nh và bà Vũ Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị Lan ở nước ngoài.

Không ai được cản trở anh Trần Văn Ch thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Buộc anh Trần Văn Ch phải trả cho ông Vũ Văn Nh, bà Vũ Thị L số tiền nuôi dưỡng cháu Trần Bảo Ngọc A từ tháng 1/2018 đến hết tháng 3/2022 là 1.000.000đ x 50 tháng = 50.000.000đ. (Năm mươi triệu đồng).

*Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền như đã tuyên nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất được tính theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.*

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Trần Văn Ch phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005739 ngày 08 tháng 3 năm 2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Buộc anh Trần Văn Ch phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí về cấp dưỡng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);
- UBND xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Nguyễn Minh Tân**